

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG NÔNG CÔNG**

*Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
đã được kiểm toán*

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	02 - 04
Báo cáo Kiểm toán độc lập	05 - 06
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	07 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2014.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty đường Nông Cống, là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 10/1999/QĐ-TCCB ngày 13/01/1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 1712/QĐ-BNN-ĐMDN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 13/06/2006. Từ ngày 01/01/2007, Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần lần đầu số 2603000500 ngày 29/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 7 ngày 05/12/2014.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 05/12/2014 thì Vốn điều lệ của Công ty là **20.844.000.000 VND (Hai mươi tỷ, tám trăm bốn mươi bốn triệu đồng)**.

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/1 cổ phần
- Số cổ phần đã đăng ký mua: 2.084.400 cổ phần

Danh sách cổ đông sáng lập:

S T T	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần (Mệnh giá 10.000)	Tỉ lệ cổ phần (%)
*	Đại diện quản lý phần vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp:			
1.	Tổng Công ty Mía đường I - Công ty cổ phần Người đại diện: Trần Đình Trung	Số 17, Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.180.000	56,6
2.	Công ty Thương mại tư vấn và Đầu tư Người đại diện: Nguyễn Mạnh Hà	Số 5B Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội		
3.	Công ty TNHH Minh Hiếu Người đại diện: Nguyễn Mạnh Hà	Số 48 Trần Chánh Hiếu, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh	190.000	9,1
4.	Lê Văn Hiệu	Phường Trường Thi, TP. Thanh Hóa	59.180	2,83

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty chưa thay đổi danh sách cổ đông sáng lập.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Sản xuất đường, bán buôn tổng hợp, hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (kinh doanh xăng, dầu);
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Trồng cây mía, hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Kinh doanh máy móc, thiết bị vật tư ngành chế biến đường);
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa);
- Sản xuất các cấu kiện kim loại, sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NÔNG CÔNG

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc (tiếp theo)

- Rèn, dập, ép và cán kim loại; xử lý và tráng phủ kim loại, sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm), sửa chữa thiết bị khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, sửa chữa thiết bị điện;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Tư vấn và chuyển giao công nghệ trồng mía, giống mía; Tư vấn và chuyển giao công nghệ chế biến đường);
- Sản xuất các sản phẩm sau đường; Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Xã Thăng Long, Huyện Nông Công, Tỉnh Thanh Hóa.

Điện thoại: (84-37) 3839 369

Fax: (84-37) 3839 435

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2014 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

- | | |
|-----------------------|--------------|
| - Bà Vũ Thị Huyền Đức | Chủ tịch |
| - Ông Lê Văn Tới | Phó Chủ tịch |
| - Ông Nguyễn Mạnh Hà | Ủy viên |
| - Ông Trần Ngọc Hiếu | Ủy viên |
| - Ông Ngô Văn Long | Ủy viên |

Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

- | | |
|------------------------|-------------------|
| - Ông Ngô Văn Long | Tổng Giám đốc |
| - Ông Trần Văn Khánh | Phó Tổng giám đốc |
| - Ông Nguyễn Văn Khanh | Phó Tổng giám đốc |
| - Ông Lê Thanh Sơn | Kế toán trưởng |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT (PNT Audit) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014 cho Công ty. PNT Audit bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán độc lập cho Công ty trong những năm tiếp theo.

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2014.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2014 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2014 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NÔNG CÔNG

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc (tiếp theo)

- Lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NÔNG CÔNG



Ngô Văn Long

Tổng Giám đốc

Thanh Hóa, ngày 23 tháng 03 năm 2015

Số: 22/2015/BCTC-PNT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: *Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc*
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công, được lập ngày 30 tháng 01 năm 2015 từ trang 07 đến trang 37 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2015

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT

Giám đốc



Khương Tất Thành

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0410-2013-136-1

Kiểm toán viên

Phạm Công Minh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1308-2013-136-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		239.951.462.182	246.036.032.730
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	46.316.537.119	30.159.709.285
1. Tiền	111		4.316.537.119	22.159.709.285
2. Các khoản tương đương tiền	112		42.000.000.000	8.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	97.876.230.898	125.521.338.092
1. Đầu tư ngắn hạn	121		97.876.230.898	125.521.338.092
III. Các khoản phải thu	130		11.404.080.124	32.657.746.944
1. Phải thu của khách hàng	131	VII.2.1	5.705.227.917	7.375.279.970
2. Trả trước cho người bán	132	VII.2.2	2.533.936.777	18.688.066.205
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	9.823.101.459	13.850.995.830
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(6.658.186.029)	(7.256.595.061)
IV. Hàng tồn kho	140		79.528.664.278	54.023.523.194
1. Hàng tồn kho	141	V.04	82.809.872.163	57.287.927.347
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(3.281.207.885)	(3.264.404.153)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.825.949.763	3.673.715.215
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.371.332.588	1.836.038.883
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VII.2.3	1.454.617.175	1.837.676.332
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		106.318.510.142	83.116.861.530
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		89.103.630.350	70.362.245.181
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	79.534.656.127	55.872.956.574
- Nguyên giá	222		306.103.438.373	268.898.535.544
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(226.568.782.246)	(213.025.578.970)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	225.822.301	224.921.824
- Nguyên giá	228		634.340.700	570.340.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(408.518.399)	(345.418.876)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	9.343.151.922	14.264.366.783
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	VII.2.4	16.659.748.892	10.608.578.489
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	16.659.748.892	10.608.578.489
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		555.130.900	2.146.037.860
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	555.130.900	2.146.037.860
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		346.269.972.324	329.152.894.260

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NÔNG CÔNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		266.452.138.437	251.860.462.271
I. Nợ ngắn hạn	310		243.451.873.604	199.676.132.159
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	55.920.618.847	61.951.206.592
2. Phải trả người bán	312	VII.2.5	78.470.381.564	83.193.090.819
3. Người mua trả tiền trước	313	VII.2.6	85.601.092.382	18.549.146.781
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	712.010.751	4.266.936.816
5. Phải trả người lao động	315		12.477.475.164	11.661.600.062
6. Chi phí phải trả	316	V.17	7.554.813.879	18.120.730.518
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	1.489.184.197	1.433.555.509
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.226.296.820	499.865.062
II. Nợ dài hạn	330		23.000.264.833	52.184.330.112
3. Phải trả dài hạn khác	333		79.607.333	79.607.333
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	22.920.657.500	52.104.722.779
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		79.817.833.887	77.292.431.989
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	80.104.343.389	77.578.941.491
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.844.000.000	20.844.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.430.000.000	2.430.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		19.722.555.920	17.521.011.979
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.615.949.941	3.515.177.971
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.290.414.869	1.655.301.687
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		31.201.422.659	31.613.449.854
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(286.509.502)	(286.509.502)
1. Nguồn kinh phí	432	V.23	(286.509.502)	(286.509.502)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		346.269.972.324	329.152.894.260

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	001			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	003			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		5.596.937.058	4.648.829.564
5. Ngoại tệ các loại	005			
6. Dự toán chi hoạt động	006			

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Người lập biểu

Nguyễn Văn Thiện

Kế toán trưởng

Lê Thanh Sơn

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 01 năm 2015

Tổng Giám đốc



Ngô Văn Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	437.232.257.285	510.383.730.937
2. Các khoản giảm trừ	03	VI.26	10.000.000	
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	437.222.257.285	510.383.730.937
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	397.897.173.807	461.967.027.469
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39.325.083.478	48.416.703.468
6. Doanh thu tài chính	21	VI.29	1.774.083.975	5.909.351.259
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	8.565.605.607	8.815.503.473
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.565.605.607	8.815.503.473
8. Chi phí bán hàng	24	VII.2.7	3.964.294.271	6.235.750.980
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.2.8	11.779.482.434	12.223.787.169
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.789.785.141	27.051.013.105
11. Thu nhập khác	31	VII.2.9	959.691.468	653.936.390
12. Chi phí khác	32	VII.2.10	186.126.527	5.124.493
13. Lợi nhuận khác	40		773.564.941	648.811.897
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.563.350.082	27.699.825.002
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	3.691.878.426	5.684.385.595
16. Thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		13.871.471.656	22.015.439.407
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		6.654,90	10.562,00

Người lập biểu

Nguyễn Văn Thiện

Kế toán trưởng

Lê Thanh Sơn

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 01 năm 2015

Tổng Giám đốc

Ngô Văn Long



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp
Năm 2014

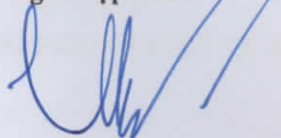
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		17.563.350.082	27.699.825.002
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		13.606.302.799	18.061.639.772
- Các khoản dự phòng	03		(505.514.145)	(1.064.624.176)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.643.039.142)	(5.909.351.259)
- Chi phí lãi vay	06		6.646.227.866	8.815.503.473
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		35.667.327.460	47.602.992.812
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		22.104.543.509	(13.633.667.952)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(35.044.004.656)	(14.891.175.384)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		52.160.657.799	(20.860.352.184)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		76.775.255	7.127.364.831
- Tiền lãi vay đã trả	13		(10.936.644.789)	(3.543.527.826)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(6.084.368.042)	(3.326.640.845)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2.001.208.899	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(705.111.320)	(2.947.504.893)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		59.240.384.115	(4.472.511.440)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(27.238.786.855)	(156.399.298)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(156.791.583.508)	(183.038.611.363)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		178.421.145.464	204.030.734.821
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.643.039.142	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.966.185.757)	20.835.724.160

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NÔNG CÔNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		110.862.196.129	236.644.124.475
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(146.076.849.153)	(243.837.743.900)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.902.717.500)	(6.253.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(39.117.370.524)	(13.446.819.425)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		16.156.827.834	2.916.393.295
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		30.159.709.285	27.243.315.990
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		46.316.537.119	30.159.709.285

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu



Nguyễn Văn Thiện

Kế toán trưởng



Lê Thanh Sơn

Tổng giám đốc



Ngô Văn Long

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Mía đường Nông Công (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty đường Nông Công, là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 10/1999/QĐ-TCCB ngày 13/01/1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 1712/QĐ-BNN-ĐMDN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 13/06/2006. Từ ngày 01/01/2007, Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần lần đầu số 2603000500 ngày 29/12/2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Công ty có 7 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 05/12/2014 thì vốn điều lệ của Công ty là: 20.844.000.000 đồng (Hai mươi tỷ tám trăm bốn mươi bốn triệu đồng chẵn).

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/1 cổ phần.
- Số cổ phần đã đăng ký mua: 2.084.400 cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

Áp dụng hướng dẫn kế toán

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính này.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003;

Các khoản tương đương tiền là khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc năm tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

Theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá hàng xuất kho: Theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Tại thời điểm 31/12/2014, do giá trị thuần có thể thực hiện được của các mặt hàng nguyên vật liệu nhỏ hơn giá gốc, Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 - Hàng tồn kho, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và thông tư 228/2009/TT - BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá và công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối năm 2014 lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập cuối năm 2013 nên số chênh lệch lớn hơn được lập thêm.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NÔNG CÔNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty vận dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với TSCĐ hữu hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	15 - 30
- Máy móc thiết bị	07 - 12
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	08
- Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 08

Năm 2013 Công ty khấu hao nhanh, năm 2014 Công ty trình khấu hao theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

4.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài và các phần mềm kế toán, phần mềm quản lý.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Tài sản cố định vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
- Phần mềm kế toán	05
- Phần mềm quản lý	03 - 05

5. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty là các khoản đầu tư tiền cho nông dân vay trồng mía thuộc vùng nguyên liệu được ghi nhận trên cơ sở các hợp đồng vay và biên bản thỏa thuận đầu tư mía giống, phân bón, tiền cày đất phục vụ trồng mía tại vùng nguyên liệu.

Khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty là khoản đầu tư tiền cho cây lâu năm và mua sắm phương tiện vận tải, máy làm đất nông nghiệp.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, và chứng từ ngân hàng;

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NÔNG CÔNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí: Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí sửa chữa giao thông nội đồng phục vụ sản xuất và chi phí lãi vay ngân hàng Phát triển Thanh Hóa, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí phát triển vùng nguyên liệu trong đó:

- + Trích trước chi phí sửa chữa giao thông nội đồng được căn cứ theo dự toán và các hợp đồng đầu vào phục vụ sửa chữa giao thông nội đồng đã được ký kết;
- + Trích trước chi phí lãi vay Ngân hàng Phát triển Thanh Hóa phục vụ xây dựng nhà máy được Trích trước căn cứ trên hợp đồng và lịch trả nợ hàng kỳ của Ngân hàng.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán thành phẩm đường, phân vi sinh, các sản phẩm phụ của đường, vật tư nông nghiệp, nước TNTK, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi đầu tư vùng nguyên liệu.

Doanh thu bán hàng hóa được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hóa cho khách hàng, phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, là chi phí lãi vay ngắn hạn và dài hạn, chênh lệch tỷ giá...

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

13.1 Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo hợp đồng và ghi nhận theo giá trị hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo giá trị hoá đơn mua hàng.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NÔNG CÔNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty đã thực hiện đối chiếu số dư công nợ phải thu, phải trả đến từng đối tượng.

13.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đối với chi phí xây dựng cơ bản dở dang là tài sản cố định mua sắm thì giá trị hạch toán là giá trị của tài sản mua vào theo hợp đồng, các chi phí có liên quan như chi phí thuế nhập khẩu (nếu có), chi phí vận chuyển và các chi phí khác.

Đối với chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí nâng cấp nhà máy lên 3000 tấn/ năm, chi phí Dự án xây dựng trung tâm kho Quảng Thịnh, chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh, phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo dự toán và sản lượng mía thu hoạch từng quý. Khi kết thúc vụ mía sẽ có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

13.3 Ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

14. Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty thực hiện kê khai và hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế và áp dụng mức thuế suất thuế GTGT đầu ra 5% đối với doanh thu bán thành phẩm đường, phân bón, mật ri và 10% đối với doanh thu bán nước khoáng tinh khiết.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22 % trên lợi nhuận chịu thuế

Công ty là doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ. Vì vậy, Công ty được hưởng ưu đãi thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014. Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 20% trong 10 năm kể từ khi thành lập. Năm 2014 là năm thứ 8 Công ty được hưởng ưu đãi.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác, doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	2.157.788.916	871.700.000
- Tiền gửi ngân hàng	2.158.748.203	21.288.009.285
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sầm Sơn	720.466.392	20.055.698.806
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Thanh Hoá	179.387.947	965.042.910
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Thanh Hóa	541.525.760	36.603.420
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thanh Hóa	1.000.000	1.000.000
Ngân hàng NN và PTNT - CN huyện Nông Cống	716.368.104	229.664.149
- Các khoản tương đương tiền	42.000.000.000	8.000.000.000
Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Bắc Á	20.000.000.000	8.000.000.000
Tiền gửi Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sầm Sơn	15.000.000.000	
Tiền gửi Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Thanh Hóa	7.000.000.000	
Cộng	46.316.537.119	30.159.709.285

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn		
- Đầu tư ngắn hạn khác	97.876.230.898	125.521.338.092
+ Đầu tư trồng và chăm sóc mía nguyên liệu (*)	97.876.230.898	125.521.338.092
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
Cộng	97.876.230.898	125.521.338.092

(*) Khoản đầu tư ngắn hạn khác là khoản tiền Công ty đầu tư cho vay các hộ dân trồng và chăm sóc mía nguyên liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NÔNG CÔNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu về cổ phần hoá		
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		
- Phải thu của người lao động		
- Phải thu khác:	9.823.101.459	13.850.995.830
<i>Công ty Tư vấn giao thông Thanh Hoá</i>	200.000.000	200.000.000
<i>Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Thanh Hoá</i>	56.000.000	56.000.000
<i>Công ty Tư vấn xây dựng Thanh Hoá</i>	75.000.000	75.000.000
<i>Hoàng Thị Sừ</i>	123.701.925	123.701.925
<i>Lê Hữu Phúc</i>	57.574.763	57.574.763
<i>Lê Nhân Do</i>	83.743.795	83.743.795
<i>Lê Thanh Phong</i>	898.825.203	901.501.403
<i>Lương Đại Biểu</i>	109.367.567	109.367.567
<i>Lương Văn Inh</i>	87.252.281	87.252.281
<i>Nguyễn Ngọc Minh</i>	57.865.926	57.865.926
<i>Phải thu của các hộ nông dân (*)</i>	4.081.023.685	5.009.417.547
<i>Tổng công ty Mía Đường I</i>	4.527.870	
<i>Nguyễn Đình Chính</i>	50.000.000	50.000.000
<i>Nguyễn Đức Ván (Ván Dăm)</i>	100.000.000	100.000.000
<i>Các đối tượng khác</i>	3.838.218.444	6.939.570.623
Cộng	9.823.101.459	13.850.995.830

(*) Khoản phải thu khác của Công ty bao gồm: Các khoản phải thu tiền BHXH của CB Nông trường Lê Đình Chính, công nợ phải thu của các hộ trồng mía, phải thu khác của các cá nhân và đơn vị. Giá trị khoản dự phòng phải thu khó đòi trích lập thêm năm 2014 là: 371.963.132 đồng.

04. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi đường		
- Nguyên liệu, vật liệu	12.505.037.263	20.803.305.619
- Công cụ, dụng cụ	326.010.533	461.182.861
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.068.720.381	5.085.260.041
- Thành phẩm	64.496.783.257	28.995.870.509
- Hàng hoá	593.891.903	1.689.934.290
- Hàng gửi bán	819.428.826	252.374.027
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	82.809.872.163	57.287.927.347

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NÔNG CỐNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

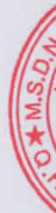
Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	67.754.920.005	193.802.940.692	6.363.261.775	977.413.072	268.898.535.544
- Mua trong kỳ		32.612.689.077			32.612.689.077
- Đầu tư XDCB hoàn thành	4.341.269.476		250.944.276		4.341.269.476
- Tăng khác					250.944.276
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	72.096.189.481	226.415.629.769	6.614.206.051	977.413.072	306.103.438.373
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	(35.849.335.998)	(172.273.834.282)	(4.133.348.913)	(769.059.777)	(213.025.578.970)
- Số khấu hao trong kỳ (*)	(3.624.012.212)	(9.257.779.030)	(566.083.826)	(95.328.208)	(13.543.203.276)
- Tăng khác					
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	(39.473.348.210)	(181.531.613.312)	(4.699.432.739)	(864.387.985)	(226.568.782.246)
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu kỳ	31.905.584.007	21.529.106.410	2.229.912.862	208.353.295	55.872.956.574
2. Tại ngày cuối kỳ	32.622.841.271	44.884.016.457	1.914.773.312	113.025.087	79.534.656.127
- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố vay vốn:					45.136.466.253
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng:					150.354.209.992
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:					
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện:					

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NÔNG CỐNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	99.000.000		471.340.700		570.340.700
- Mua trong kỳ			64.000.000		64.000.000
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp					
- Tăng do hợp nhất kinh doanh					
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	99.000.000		535.340.700		634.340.700
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ			(345.418.876)		(345.418.876)
- Số khấu hao trong kỳ			(63.099.523)		(63.099.523)
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ			(408.518.399)		(408.518.399)
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu kỳ	99.000.000		125.921.824		224.921.824
2. Tại ngày cuối kỳ	99.000.000		126.822.301		225.822.301



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NÔNG CỐNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa lớn	83.981.500	83.981.500
Xây dựng cơ bản dở dang	4.323.037.735	8.623.918.075
Sửa chữa lớn TSCĐ	4.936.132.687	5.556.467.208
Cộng	9.343.151.922	14.264.366.783

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đầu tư cổ phiếu		
- Đầu tư trái phiếu		
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu		
- Cho vay dài hạn		
- Đầu tư dài hạn khác	16.659.748.892	10.608.578.489
<i>Đầu tư chè, cà phê và cao su tại NT Lê Đình Chinh</i>	<i>1.249.937.692</i>	<i>1.249.937.692</i>
<i>Đầu tư cho vay mua xe vận tải, máy cày đất</i>	<i>15.409.811.200</i>	<i>9.358.640.797</i>
Cộng	16.659.748.892	10.608.578.489

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí vô bình nước và chân giá đề bình	188.910.601	289.935.029
- Chi phí sản xuất đường	213.112.745	1.291.464.809
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	153.107.554	564.638.022
Cộng	555.130.900	2.146.037.860

15. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay ngắn hạn	55.920.618.847	61.951.206.592
<i>(1) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sầm Sơn</i>	<i>26.821.021.156</i>	<i>36.759.562.805</i>
<i>(2) Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Hóa</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>5.378.341.556</i>
<i>(3) Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Thanh Hóa</i>	<i>26.099.597.691</i>	<i>19.813.302.231</i>
- Nợ dài hạn đến hạn trả		
Cộng	55.920.618.847	61.951.206.592

(1) - Hợp đồng hạn mức tín dụng số 210070/2014-HĐTDHM/NHCT422-MĐNC, ngày 30/07/2014;

- Hạn mức tín dụng: 75.000.000.000 VND;

- Mục đích sử dụng vốn vay là: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh năm 2014;

- Ngày đáo hạn cuối cùng là ngày 07/07/2015;

- Lãi suất: 7,0%/năm. Áp dụng lãi suất thả nổi, được điều chỉnh 01 lần/tháng.

(2) - Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/289373/HĐTD, ngày 04/06/2014;

- Tổng hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 VND;

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động năm 2014;

- Ngày đáo hạn cuối cùng là ngày 09/06/2015;

- Lãi suất vay xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng theo từng thời kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NÔNG CÔNG**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(3) Hợp đồng tín dụng số 407DN338/HĐTD/VIB.2014 ký ngày 29/04/2014;

- Tổng hạn mức tín dụng: 29.000.000.000 VND;

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất, kinh doanh mía đường;

- Ngày đáo hạn cuối cùng là ngày 30/03/2015;

- Lãi suất: Lãi suất vay theo từng thời điểm giải ngân. Áp dụng lãi suất thả nổi, được điều chỉnh 02 tuần/lần.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế GTGT	204.637.819	1.510.541.662
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	348.482.874	2.740.972.489
- Thuế thu nhập cá nhân	101.459.131	15.422.665
- Thuế tài nguyên	755.927	
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	56.675.000	
Cộng	712.010.751	4.266.936.816

17. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí lãi vay phải trả	3.348.419.286	7.638.836.209
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ		9.550.655.419
- Chi phí phát triển vùng nguyên liệu	4.206.394.593	931.238.890
Cộng	7.554.813.879	18.120.730.518

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Kinh phí công đoàn	255.355.342	330.855.010
- Bảo hiểm xã hội	632.794.994	540.033.447
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	601.033.861	562.667.052
Cộng	1.489.184.197	1.433.555.509

20. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn	22.920.657.500	52.104.722.779
- Vay ngân hàng	21.760.000.000	40.267.000.000
(1) Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Thanh Hóa	21.760.000.000	40.267.000.000
(2) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Hóa		10.677.065.279
- Vay đối tượng khác	1.160.657.500	1.160.657.500
Công ty Cao su Thanh Hóa	699.172.500	699.172.500
Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	444.150.000	444.150.000
Dự án 327 Tây Nam Thanh Hóa	17.335.000	17.335.000
Nợ dài hạn	22.920.657.500	52.104.722.779
Cộng	22.920.657.500	52.104.722.779

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NÔNG CÔNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (1) Vay theo hợp đồng tín dụng - Nguồn vốn ODA số 01/2007/HĐTD ngày 02/01/2007; tổng số tiền: 191.682.429 Rup; thời hạn vay vốn là 15 năm kể từ ngày ký hiệp định (8/3/1997); lãi suất vay là: 5%/năm. Mục đích sử dụng vốn vay để: Đầu tư dây chuyền thiết bị nhập ngoại từ Ấn Độ. Phụ lục hợp đồng cho vay vốn tín dụng số 01/2007/PLHĐTD ngày 29/05/2007, số dư nợ gốc được quy đổi sang VND với giá trị: 65.294.962.578 VND, điều chỉnh lãi suất vay lại là: 5,4%/năm.
- (2) Theo Hợp đồng tín dụng số 13210007/HĐTD ngày 03/06/2013; số tiền vay: 36.800.000.000 đồng; thời hạn cho vay là 63 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; mục đích cho vay: Đầu tư dự án nâng công suất nhà máy đường từ 2.100 TMN lên 3.000 TMN; lãi suất thả nổi theo thông báo (trung bình là 13%/năm). Tài sản dùng để thế chấp là máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 09120073/HDDTC ngày 29/09/2009 và 07130041/HĐTC ngày 06/09/2007.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NÔNG CÔNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	20.844.000.000	2.430.000.000	15.576.426.857	3.013.249.116	1.812.644.374	19.301.582.119	62.977.902.466
Tăng vốn trong năm trước							
Lãi trong năm trước						22.015.439.407	22.015.439.407
Tăng khác			1.944.585.122	501.928.855	301.157.313		2.747.671.290
Chia cổ tức						(6.253.200.000)	(6.253.200.000)
Trích lập các quỹ						(3.450.371.672)	(3.450.371.672)
Giảm khác					(458.500.000)		(458.500.000)
Số dư đầu năm nay	20.844.000.000	2.430.000.000	17.521.011.979	3.515.177.971	1.655.301.687	31.613.449.854	77.578.941.491
Lãi trong năm nay						13.871.471.656	13.871.471.656
Tăng khác			2.201.543.941	1.100.771.970	660.463.182		3.962.779.093
Chia cổ tức						(4.153.800.000)	(4.153.800.000)
Trích lập các quỹ						(3.962.779.093)	(3.962.779.093)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi						(5.794.932.758)	(5.794.932.758)
Giảm khác					(1.025.350.000)	(371.987.000)	(1.397.337.000)
Số dư cuối năm nay	20.844.000.000	2.430.000.000	19.722.555.920	4.615.949.941	1.290.414.869	31.201.422.659	80.104.343.389

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NÔNG CÔNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Mía đường I	9.600.000.000	9.600.000.000
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	2.200.000.000	2.200.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	9.044.000.000	9.044.000.000
Cộng	20.844.000.000	20.844.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20.844.000.000	20.844.000.000
+ Vốn góp đầu năm		
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm	20.844.000.000	20.844.000.000
+ Vốn góp cuối năm	4.153.800.000	6.253.200.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường:	6.654,90	10.562,00
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận		

đ. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	2.084.400	2.084.400
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	2.084.400	2.084.400
+ Cổ phiếu thường	2.084.400	2.084.400
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.084.400	2.084.400
+ Cổ phiếu thường	10.000	10.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND):		

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	19.722.555.920	17.521.011.979
Quỹ dự phòng tài chính	4.615.949.941	3.515.177.971
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.290.414.869	1.655.301.687

*** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập bằng 10% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NÔNG CÔNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm bằng 5% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu là quỹ phát triển vùng nguyên liệu, được trích lập bằng 3% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty. Quỹ này được sử dụng cho việc phát triển vùng nguyên liệu.

23. Nguồn kinh phí

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	(286.509.502)	(286.509.502)
- Nguồn kinh phí còn lại đầu năm		
- Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ		
- Chi sự nghiệp		
- Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng	437.232.257.285	510.383.730.937
<i>Doanh thu bán thành phẩm Đường</i>	356.460.303.809	405.237.120.953
<i>Doanh thu bán Vật tư Nông nghiệp</i>	12.316.800.406	15.035.995.473
<i>Doanh thu bán phân bón vi sinh</i>	51.555.090.473	71.593.628.045
<i>Doanh thu bán Nước thiên nhiên tinh khiết</i>	1.570.847.762	1.534.933.856
<i>Doanh thu bán mật ri, bã mía</i>	15.048.314.838	16.694.695.337
<i>Doanh thu khác</i>	280.899.997	287.357.273
Cộng	437.232.257.285	510.383.730.937

26. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chiết khấu thương mại		
- Giảm giá hàng bán	10.000.000	
+ <i>Giảm giá hàng bán sản phẩm đường</i>	9.523.810	
+ <i>Giảm giá hàng bán phân bón vi sinh</i>	476.190	
- Hàng bán bị trả lại		
Cộng	10.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NÔNG CỐNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	437.222.257.285	510.383.730.937
<i>Doanh thu bán thành phẩm Đường</i>	356.450.779.999	405.237.120.953
<i>Doanh thu bán Vật tư Nông nghiệp</i>	12.316.800.406	15.035.995.473
<i>Doanh thu bán phân bón vi sinh</i>	51.554.614.283	71.593.628.045
<i>Doanh thu bán Nước thiên nhiên tinh khiết</i>	1.570.847.762	1.534.933.856
<i>Doanh thu bán mật ri, bã mía</i>	15.048.314.838	16.694.695.337
<i>Doanh thu khác</i>	280.899.997	287.357.273
Cộng	437.222.257.285	510.383.730.937

28. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	397.897.173.807	461.967.027.469
<i>Giá vốn thành phẩm Đường</i>	328.181.838.302	372.975.160.409
<i>Giá vốn Vật tư Nông nghiệp</i>	12.166.287.674	16.772.013.642
<i>Giá vốn Phân vi sinh</i>	40.262.559.395	56.176.101.121
<i>Giá vốn Nước thiên nhiên tinh khiết</i>	1.079.799.570	1.071.650.584
<i>Giá vốn Mật ri, bã mía</i>	16.154.423.005	14.915.104.558
<i>Giá vốn Doanh thu khác</i>	35.462.129	56.997.155
<i>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i>	16.803.732	-
Cộng	397.897.173.807	461.967.027.469

29. Doanh thu tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi đầu tư vùng nguyên liệu	990.412.253	4.633.971.049
- Lãi tiền gửi các Ngân hàng	691.312.160	267.049.550
- Lãi cho vay vốn	45.344.485	82.566.995
- Lãi từ hoạt động tài chính khác	47.015.077	925.763.665
Cộng	1.774.083.975	5.909.351.259

30. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	-	-
- Chi phí lãi vay ngắn hạn các Ngân hàng	3.841.651.385	5.154.495.219
- Chi phí lãi vay dài hạn các Ngân hàng	2.804.576.481	3.290.461.883
- Chi phí lãi ứng trước tiền hàng	1.919.377.741	370.546.371
Cộng	8.565.605.607	8.815.503.473

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NÔNG CÔNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường		
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	438.996.341.260	516.293.082.196
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	421.387.870.564	488.682.169.091
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	17.608.470.696	27.610.913.105
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.521.694.139	5.522.182.621
Hoạt động sản xuất kinh doanh khác		
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	959.691.468	653.936.390
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	186.126.527	5.124.493
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	773.564.941	648.811.897
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi thuế	170.184.287	162.202.974
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.691.878.426	5.684.385.595

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	387.596.459.323	405.320.865.162
- Chi phí nhân công	31.693.285.362	35.811.371.381
- Chi phí công cụ dụng cụ	797.338.515	1.209.786.812
- Chi phí khấu hao TSCĐ	21.168.045.117	18.113.583.578
- Phí, lệ phí		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.911.142.647	5.603.858.594
- Chi phí khác bằng tiền	7.710.412.621	5.893.085.059
Cộng	455.876.683.585	471.952.550.586

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1 Giao dịch với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	Năm 2014	Năm 2013
Bán hàng		235.727.159.700	263.960.409.602
Bán hàng cho Tổng công ty Mía Đường I - Công ty cổ phần	Cổ đông sáng lập	205.929.825.000	230.925.626.197
Bán hàng cho Công ty TM - Tư vấn & Đầu tư - TCT Mía Đường I	Cổ đông sáng lập	12.768.684.700	3.076.904.761
Công ty TNHH Minh Hiếu	Cổ đông sáng lập		1.006.021.500
Bán hàng cho Chi nhánh Công ty CP bán hàng Hải Châu Nhà Máy Bánh Kẹo Hải Châu	Cùng Tổng Công ty	10.195.000.000	13.747.619.046
Bán hàng cho Công ty TNHH Một Thành Viên VIGER - Hà Nội	Cùng Tổng Công ty	6.833.650.000	15.204.238.098
Mua hàng		39.290.178.156	46.247.994.767
Mua hàng và tiền lãi cho ứng trước tiền của Tổng công ty Mía Đường I - Công ty cổ phần	Cổ đông sáng lập	37.367.609.278	43.344.695.962
Mua hàng cho Công ty TM - Tư vấn & Đầu tư - TCT Mía Đường I	Cổ đông sáng lập	75.075.000	
Mua hàng cho Công ty TNHH Một Thành Viên VIGER - Hà Nội	Cùng Tổng Công ty	1.847.493.878	2.903.298.805
Giao dịch khác		2.360.000.000	
Tiền cổ tức năm 2013 phải trả cho Tổng công ty Mía Đường I - Công ty cổ phần	Cổ đông sáng lập	2.360.000.000	

1.2 Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm

	Năm 2014	Năm 2013
Lương	869.689.000	732.742.500
Tiền thưởng	113.897.000	18.700.000
Phụ cấp khác	123.500.000	
Cộng	1.107.086.000	751.442.500

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NÔNG CỐNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1.3 Số dư với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	Năm 2014	Năm 2013
Phải thu khách hàng		798.000.000	
Công ty TM - Tư vấn & Đầu tư - TCT Mía Đường I	Cổ đông sáng lập	798.000.000	
Phải trả người bán		6.521.656.262	10.649.677.663
Tổng công ty Mía Đường I - Công ty cổ phần	Cổ đông sáng lập	6.521.656.262	10.631.923.663
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	Cùng Tổng Công ty		17.754.000
Người mua trả tiền trước		83.933.281.649	13.166.832.419
Tổng công ty Mía Đường I - Công ty cổ phần	Cổ đông sáng lập	83.926.931.649	10.666.832.419
Công ty TNHH MTV Viger Hà Nội	Cùng Tổng Công ty	6.350.000	2.500.000.000
Các khoản phải thu khác		4.527.870	4.527.870
Tổng công ty Mía Đường I - Công ty cổ phần	Cổ đông sáng lập	4.527.870	4.527.870

2. Những thông tin khác

2.1 Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP GREENFEED Việt Nam - CN Hưng Yên		72.900.000
Công ty TNHH Đức Lộc		5.990.000.000
Công ty TNHH Thực Phẩm Công Nghệ Minh Tâm	398.250.000	
Công ty CP thương mại Quang Vinh	226.000.000	
Công ty TNHH Thành Hựu	832.550.000	
Công ty TM - Tư vấn & Đầu tư - TCT Mía Đường I - Công ty cổ phần	798.000.000	
Lê Thị Minh Tâm	12.300.000	80.400.000
Đậu Thị Thủy	483.750.000	
Phạm Văn Cương		80.400.000
Các chủ hợp đồng mua nước	524.629.000	269.043.750
Bùi Thị Hà	202.977.159	185.897.492
Nguyễn Văn Minh	8.250.000	191.250.000
Các đối tượng khác	2.218.521.758	505.388.728
Cộng	5.705.227.917	7.375.279.970

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NÔNG CÔNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2.2 Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyễn Quốc Thiết	100.000.000	
HTX dịch vụ nông nghiệp xã Yên Lạc	117.200.000	
Công ty CP cơ điện và tự động hóa Tâm Phát	104.500.000	
Công ty Cổ phần Thực phẩm Vạn Điểm		104.295.235
Công ty TNHH Tân Quyền	117.000.000	40.000.000
Công ty TNHH Tuấn Anh Đức	13.000.000	120.000.000
Công ty tư vấn Đại Học Xây dựng Hà Nội	110.000.000	110.000.000
Công ty xây lắp điện và xây dựng Phương Anh		125.000.000
Đoàn đo đạc bản đồ và quy hoạch		120.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Hải Thảo	156.000.000	230.000.000
HTX dịch vụ TH Khang Minh		100.000.000
Công ty CP cơ khí và xây lắp Sông Chu	150.000.000	
Công ty CP ĐT và PT Công Nghệ Hoàng Nam	190.000.000	190.000.000
Công ty CP Sáng tạo và truyền thông DATCOM	287.000.000	187.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và XNK Tân Đại Việt		1.742.670.000
Công ty Cp Nồi Hơi Việt Nam		14.553.420.420
Công ty TNHH TM & DVKT Song Anh	214.105.000	202.830.000
Các đối tượng khác	975.131.777	862.850.550
Cộng	2.533.936.777	18.688.066.205

2.3 Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	1.454.617.175	1.837.676.332
Trung tâm NC-KN Giống	65.112.020	65.112.020
Trạm NL Như Thanh	42.430.000	42.430.000
Trạm NL Như Xuân		65.000.000
Trịnh Như ánh	11.000.000	6.360.000
Nguyễn Thị Thuý (NC)	9.750.000	
Trần Văn Thanh	19.030.260	16.030.260
Vũ Xuân Kiên		61.650.000
Các đối tượng khác	1.307.294.895	1.581.094.052
Cộng	1.454.617.175	1.837.676.332

2.4 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư chề, cà phê và cao su tại NT Lê Đình Chính	1.249.937.692	1.249.937.692
Đầu tư cho vay mua xe vận tải	15.409.811.200	9.358.640.797
Cộng	16.659.748.892	10.608.578.489

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NÔNG CÔNG**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***2.5 Phải trả người bán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyễn Văn Kho		33.867.350
Đỗ Văn Thành		575.386.239
Đỗ Xuân Tú	491.766.325	944.374.620
Hà Văn Khánh	828.304.305	75.639.174
Hoàng Huy Trí	266.522.480	545.930.768
Lê Danh Phán	110.009.675	512.923.778
Lê Thị Hương	267.576.707	567.278.128
Lê Văn Cường	509.534.229	
Lê Văn Hải	389.955.196	1.489.578.318
Lê Văn Nguyên	175.989.197	536.654.252
Mai Xuân Nam	1.006.088.029	942.746.612
Nguyễn Bá Hoàng	624.055.354	847.865.900
Nguyễn Đức Tiệp	436.261.539	506.296.526
Nguyễn Thị Hương	1.340.784.515	3.156.944.293
Phạm Thị Hương	843.897.954	282.444.825
Trần Thị Hoa	352.900.918	590.691.050
Vũ Văn Sơn	682.910.457	699.476.534
Doanh nghiệp tư nhân Hải Thảo	1.438.889.216	650.609.873
Doanh nghiệp tư nhân Thuận Hải	9.068.422	532.855.133
HTX sản xuất mía nguyên liệu Hải Long	697.203.415	841.310.615
Công ty CP Công Nông nghiệp Tiến Nông	777.384.000	
Tổng công ty Mía Đường I - Công ty cổ phần	6.521.656.262	10.631.923.663
Công ty TNHH xây dựng và TM Đức Hùng Phú thọ	1.020.952.350	963.850.973
Công ty Cp mía đường Nông công	1.022.454.348	
Công ty Cp Nồi Hơi Việt Nam	2.397.366.543	
Công ty TNHH Thanh Lam		928.565.000
Công ty TNHH MTV Anh Minh		736.835.000
Công ty CP Thương Mại Thiệu Yên		715.271.500
Các đối tượng khác	56.258.850.128	54.883.770.695
Cộng	78.470.381.564	83.193.090.819

2.6 Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Một Thành Viên VIGER - Hà Nội	6.350.000	2.500.000.000
Công ty TNHH Thành Long	440.395.000	395.000
Công ty TNHH Đức Thành		3.912.062.500
Công ty TNHH Kim Hà Việt		290.700.000
Công ty CP xây dựng và Thương mại Phương Linh		713.471.111
Tổng công ty Mía Đường I - Công ty cổ phần	83.926.931.649	10.666.832.419
Hoàng Thị Hường	170.460.417	
Nguyễn Hữu Mạnh	423.500.000	
Nguyễn Thị Thủy (Long)	119.050.676	285.744.289
Nguyễn Văn Tám	376.900.000	
Các đối tượng khác	137.504.640	179.941.462
Cộng	85.601.092.382	18.549.146.781

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NÔNG CỐNG**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***2.7 Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	835.965.068	300.886.778
Chi phí vật liệu bao bì	229.862.591	58.689.577
Chi phí thuê kho, bốc xếp, vận chuyển	2.084.691.003	4.592.842.443
Chi phí dụng cụ đồ dùng		
Chi phí khấu hao TSCĐ	121.114.708	159.185.620
Chi phí khuyến mại		
Chi phí dịch vụ mua ngoài		
Chi phí bằng tiền khác	692.660.901	1.124.146.562
Cộng	<u>3.964.294.271</u>	<u>6.235.750.980</u>

2.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2.840.245.470	3.445.187.708
Chi phí vật liệu quản lý	540.491.449	349.069.205
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.047.503.392	504.316.097
Chi phí khấu hao tài sản cố định	885.971.424	997.137.987
Thuế, phí và lệ phí	21.498.210	52.592.600
Chi phí dự phòng	371.963.132	923.463.014
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.195.302	27.272.577
Chi phí bằng tiền khác	6.012.614.055	5.924.747.981
Cộng	<u>11.779.482.434</u>	<u>12.223.787.169</u>

2.9 Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ thanh lý sắt thép phế liệu	269.214.636	586.376.955
Thu nhập khác	690.476.832	67.559.435
Cộng	<u>959.691.468</u>	<u>653.936.390</u>

2.10 Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khác	186.126.527	5.124.493
Cộng	<u>186.126.527</u>	<u>5.124.493</u>

3. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.15 và V.20, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.316.537.119	30.159.709.285
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	97.876.230.898	125.521.338.092
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.528.329.376	21.226.275.800
Tổng cộng	159.721.097.393	176.907.323.177
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	78.841.276.347	114.055.929.371
Phải trả người bán và phải trả khác	79.959.565.761	84.626.646.328
Chi phí phải trả	7.554.813.879	18.120.730.518
Tổng Cộng	166.355.655.987	216.803.306.217

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2014 do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NÔNG CÔNG**BÁO CÁO TÀI CHÍNH***cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty chịu rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản vay gốc. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày càng sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	79.959.565.761		79.959.565.761
Chi phí phải trả	7.554.813.879		7.554.813.879
Các khoản vay	55.920.618.847	22.920.657.500	78.841.276.347
01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	84.626.646.328		84.626.646.328
Chi phí phải trả	18.120.730.518		18.120.730.518
Các khoản vay	61.951.206.592	52.104.722.779	114.055.929.371

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Nhưng Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.316.537.119		46.316.537.119
Các khoản đầu tư tài chính	97.876.230.898	16.659.748.892	114.535.979.790
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.870.143.347		8.870.143.347

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NÔNG CỐNG**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

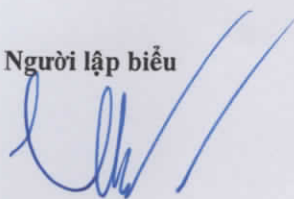
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.159.709.285		30.159.709.285
Các khoản đầu tư tài chính	125.521.338.092	10.608.578.489	136.129.916.581
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.969.680.739		13.969.680.739

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 Năm 2013 của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Người lập biểu



Nguyễn Văn Thiện

Kế toán trưởng



Lê Thanh Sơn

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 01 năm 2015

Tổng giám đốc



Ngô Văn Long

